TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 9
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 373/2017/DS-ST
Ngày: 14/11/2017
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 9 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Cẩm Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:
1/ Ông Nguyễn Chí Quý
2/ Ông Trần Đăng Vạn

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Đậu Thị Hải Hoài - là Thư ký Toà án nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Bà Trương Thị Ngọc Huệ - Kiểm sát viên

Vào các ngày 10 đến 14 tháng 11 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 49/2016/TLST-DS ngày 26 tháng 02 năm 2016 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 320/2017/QĐST-DS ngày 16 tháng 10 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phan Thị Đ, sinh năm: 1964 (có mặt)
Cư trú: khu phố A, phường X, Quận Y, thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Hồ Bích L, sinh năm: 1954 (có mặt)
Cư trú: khu phố B, phường C, Quận H, thành phố Hồ Chí Minh.
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:
Ông Lê Văn H là Luật sư thuộc Văn phòng luật sư M – Đoàn thuật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:
1/ NLQ 1, sinh năm: 1964 (vắng mặt).
2/ NLQ 2 , sinh năm: 1962 (có đơn xin vắng mặt)
Cùng cư trú: Tỉnh lộ Z khu phố R, phường L, Quận Y, thành phố Hồ Chí Minh.
3/ NLQ 3 , sinh năm: 1960 (có đơn xin vắng mặt)
Cư trú: khu phố A, phường X, Quận Y, thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 02 tháng 12 năm 2015 và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Phan Thị Đ trình bày: vào ngày 12/11/2010 bà có cho bà Hồ Bích L vay số tiền 500.000.000 đồng. Vì thời điểm đó bà bị mất chứng minh nhân dân nên có nhờ NLQ 1 đứng tên trong hợp đồng vay tiền số 26394 được ký kết tại Phòng công chứng số 3 thành phố Hồ Chí Minh ngày 12/11/2010. Thời hạn cho vay là 05 ngày, hai bên không thoả thuận lãi suất. Mặc dù NLQ 1 là người ký hợp đồng với bà L nhưng bà là người trực tiếp giao tiền cho và là tiền của bà, không

phải là tiền của ông Điệp. Đã hết thời hạn vay nhưng bà L không trả lại tiền cho bà. Bà đã nhiều lần liên hệ nhưng không được nên bà khởi kiện vụ án yêu cầu Toà án buộc bà L phải trả lại cho bà số tiền vốn vay là 500.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh.

Bị đơn Bà Hồ Bích L trình bày: bà xác nhận có ký hợp đồng vay tiền như bà Đ đã trình bày. Tuy nhiên, lúc ký hợp đồng với NLQ 1 thì bà Đ giới thiệu chính NLQ 1 là chủ tiền. Mặc dù bà Đ là người trực tiếp giao tiền và khi vay tiền hai bên không thoả thuận lãi suất nhưng NLQ 1 là người trực tiếp đi thu tiền lãi. Chính bà Đ nói là tiền của NLQ 1 nên hàng tháng bà vẫn giao tiền cho NLQ 1 với số tiền lãi là 75.000.000 đồng/ tháng và khi số tiền đóng cho NLQ 1 lên 450.000.000 đồng thì bà đề nghị NLQ 1 hạ mức tiền lãi để bà có điều kiện đóng, NLQ 1 đồng ý cho bà đóng mỗi tháng 40.000.000 đồng và bà đóng được 05 tháng (từ 15/11/2012 đến 15/4/2013). Toàn bộ số tiền này bà không có giấy tờ để lưu giữ. Bắt đầu từ ngày 17/4/2013 mỗi ngày bà góp 2.000.000 đồng và NLQ 1 có ký nhận đầy đủ với tổng số tiền là 280.000.000 đồng và bà Đ có ký nhận số tiền là 7.500.000 đồng. Nay bà Đ yêu cầu bà trả số tiền 500.000.000 đồng bà không đồng ý vì số tiền bà đã đóng cho bà Đ, NLQ 1 đã vượt quá số tiền bà vay.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan NLQ 1 trình bày: Ông có ký hợp đồng vay tiền với bà L như bà Đ và bà L đã trình bày, ông xác nhận ông là người trực tiếp đi thu tiền lãi của bà L như các giấy nhận tiền bà L đã nộp cho Toà án. Số tiền thu được của bà L ông đều giao nộp về cho bà Đ nhưng vì giữa ông và bà Đ có mối quan hệ làm ăn chung nên khi giao tiền cho bà Đ ông không làm giấy giao nhận tiền. Ông đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan NLQ 2 trình bày: bà là vợ của NLQ 1 nhưng thực tế vợ chồng đã sống ly thân từ hơn mười năm nên mọi chuyện làm ăn của NLQ 1 và bà Đ bà không biết gì. Giữa bà và NLQ 1 đã không còn quan hệ tình cảm cũng như tài sản từ hơn mười năm nên mọi mối quan hệ của NLQ 1 bà không biết nên đề nghị Toà án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan NLQ 3 trình bày: ông là chồng của bà Phan Thị Đ nhưng mọi chuyện làm ăn của bà Đ ông không biết gì và số tiền bà Đ cho bà L mượn là tài sản riêng của bà Đ ông không liên quan nên đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

Bà Phan Thị Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu buộc bà Hồ Bích L trả số tiền đã vay là 500.000.000 đồng theo hợp đồng vay tiền số 26394 được ký tại Phòng công chứng số 3, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 12/11/2010 giữa bà L và NLQ 1 đã được bà L xác nhận lại theo giấy xác nhận nợ ngày 06/9/2014. Bà Đ không yêu cầu bà L trả tiền lãi phát sinh.

Bà Hồ Bích L xác nhận có ký hợp đồng vay số tiền 500.000.000 đồng với NLQ 1 theo hợp đồng vay tiền số 26394 được ký tại Phòng công chứng số 3, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 12/11/2010 và xác nhận người trực tiếp giao tiền cho bà L là bà Phan Thị Đ sau đó đã xác nhận lại số tiền đã vay vào giấy xác nhận nợ ngày 06/9/2014. Tuy nhiên, sau khi vay nợ, trong sáu tháng đầu, bà Đ và NLQ 1 là người trực tiếp đến thu tiền nợ. Sau đó thì chỉ có NLQ 1 đến thu. Tổng số tiền bà đã giao cho NLQ 1 và bà Đ là 960.000.000 đồng. Do đó, bà không đồng ý với yêu cầu của bà Đ. Đồng thời bà không yêu cầu NLQ 1 và bà Đ phải trả lại số tiền bà đã trả vượt quá số tiền bà đã vay.

NLQ 1 vắng mặt tại phiên toà

NLQ 3 có đơn xin được vắng mặt.

NLQ 2 có đơn xin được vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 9 phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Toà án đảm bảo thủ tục tố tụng về việc thụ lý, cấp tống đạt văn bản, nộp tiền tạm ứng án theo đúng quy định. Thẩm phán thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đúng quy định của pháp luật. Gửi quyết định xét xử cho các đương sự, Viện kiểm sát nhân dân quận 9, cũng như việc gửi hồ sơ để Viện kiểm sát nghiên cứu được thực hiện đúng quy định pháp luật. Xác định đúng người tham gia tố tụng trong vụ án, tại phiên tòa người tham gia tố tụng đúng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Hội đồng xét xử thực hiện đúng quyền hạn theo quy định pháp luật. Đảm bảo các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định pháp luật, tuân theo nội quy phiên tòa.

Về nội dung: các đương sự đã xác nhận số tiền bà L vay là 500.000.000 đồng từ hợp đồng vay tiền số 26394 được ký tại Phòng công chứng số 3, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 12/11/2010 và giấy xác nhận nợ ngày 06/9/2014. Tuy nhiên, trong thời gian vay nợ bà L có các chứng cứ đã trả số tiền 280.000.000 đồng và NLQ 1 cũng đã thừa nhận số tiền đã nhận là 280.000.000 đồng từ hợp đồng vay tiền đã ký với bà L, bà Đ xác nhận đã trực tiếp nhận của bà L số tiền 7.500.000 đồng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn buộc bà L trả cho bà Đ số tiền còn lại là 212.500.000 đồng. Ghi nhận việc bà Đ không yêu cầu NLQ 1 trả lại số tiền đã nhận từ bà L. NLQ 1 cho rằng số tiền cho bà L vay là tiền chung của NLQ 1 và bà Đ nhưng tại phiên toà NLQ 1 vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử dành quyền khởi kiện cho NLQ 1 tranh chấp tài sản chung với bà Đ trong một vụ kiện khác khi có yêu cầu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà L trình bày: qua xem xét các tài liệu có trong lời khai của các đương sự và lời trình bày của bà Đ tại phiên toà có cơ sở xác định số tiền bà L vay là 500.000.000 đồng từ Hợp đồng vay tiền đã ký với NLQ 1 tại Phòng công chức số 3 và bà L đã xác nhận lại theo giấy xác nhận do bà Đ cung cấp. Đồng thời trên thực tế chính bà Đ và NLQ 1 là người trực tiếp nhận tiền bà L trả và số tiền trả đã vượt quá số tiền bà L vay nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của bà Đ. Bà Đ có nghĩa vụ chứng minh số tiền cho bà L vay là tiền riêng của bà Đ và có quyền kiện đòi NLQ 1 số tiền mà bà L giao cho ông Điệp.

TÒA ÁN NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự; bị đơn là bà Hồ Bích L có nơi cư trú tại Quận 9, thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 9 theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về việc tham gia tố tụng của các đương sự: Các đương sự tham gia và thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. NLQ 3 và NLQ 2 có bản tự khai nộp cho Toà án và xin được vắng mặt trong quá trình Toà án giải quyết vụ án, yêu cầu này là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 nên chấp nhận. NLQ 1 đã được triệu tập hợp lệ đến dự phiên Tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015xét xử vắng mặt ông Điệp.

- Về chứng cứ của vụ án: tại bản tự khai ngày 08/4/2016 NLQ 1 đã thừa nhận ông là người đứng tên trên hợp đồng vay tiền số 26394 được ký với Bà Hồ Bích L tại Phòng công chứng số 3, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 12/11/2010 với số tiền cho vay là 500.000.000 đồng và người trực tiếp giao tiền là bà Phan Thị Đ. Lời khai này phù hợp với lời khai của bà Đ và bà L, đồng thời phù hợp với nội dung giấy xác nhận lại số nợ ký ngày 06/9/2014. Do đó có cơ sở xác định hợp đồng vay tiền số 26394 được NLQ 1 và bà L ký tại Phòng công chứng số 3, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 12/11/2010 và giấy xác nhận nợ ngày 06/9/2014 là một với số tiền cho bà L vay là 500.000.000 đồng, thời hạn vay 05 ngày, hai bên không thoả thuận tiền lãi.

- Về yêu cầu của nguyên đơn:

Trong các lời khai của các đương sự đều thống nhất NLQ 1 là người đứng tên trên hợp đồng vay tiền, bà Phan Thị Đ là người trực tiếp giao tiền cho Bà Hồ Bích L nên yêu cầu của bà Đ buộc bà L trả lại cho Đ số tiền đã nhận là có cơ sở. Bà Hồ Bích L cho rằng đã trả cho NLQ 1 và bà Đ tổng cộng số tiền là 960.000.000 đồng nhưng đối chiếu với các chứng từ do bà L giao nộp và lời khai của ông NLQ1, bà Đ thì tổng số tiền NLQ 1 trực tiếp nhận của bà L từ hợp đồng vay tiền nêu trên là 280.000.000 đồng, bà Đ trực tiếp nhận của bà L là 7.500.000 đồng. số tiền còn lại bà L không có chứng từ đối chiếu, NLQ 1 và bà Đ không thừa nhận nên không có cơ sở xem xét. Theo nội dung hợp đồng thì hai bên không thoả thuận lãi suất và tại phiên toà bà Đ không yêu cầu tính tiền lãi nên toàn bộ số tiền NLQ 1 và bà Đ đã nhận từ bà L sẽ được trừ vào số tiền vốn gốc đã cho bà L vay, cụ thể: 500.000.000 đồng – 287.500.000 đồng = 212.500.000 đồng. Do đó, buộc bà L trả lại cho bà Đ số tiền còn nợ là 212.500.000 đồng. Ghi nhận việc bà Đ không yêu cầu tính tiền lãi phát sinh.

Trong quá trình Toà án giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà, bà Đ khai không biết việc NLQ 1 đến thu tiền của bà L nhưng khi nghe công bố công khai tại phiên toà toàn bộ lời khai của NLQ 1 trong bản tự khai và các biên bản hoà giải thì NLQ 1 xác nhận đã nhận của Bà Hồ Bích L tổng số tiền 280.000.000 đồng từ hợp đồng vay tiền như đã nêu trên nhưng bà Đ không yêu cầu NLQ 1 phải trả lại cho bà Đ số tiền đã nhận nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Việc NLQ 1 cho rằng số tiền cho bà L vay là tiền chung của NLQ 1 và bà Đ trong quá trình làm ăn chung, NLQ 1 là người đứng tên trên hợp đồng vay tiền ký với bà L còn bà Đ là người giao tiền. Đồng thời toàn bộ số tiền ông nhận của bà L ông đều giao cho Đ nhưng trong quá trình giải quyết vụ án NLQ 1 không cung cấp chứng cứ về các lời khai nên không có cơ sở xem xét. Tại phiên toà, NLQ 1 vắng mặt nên Hội đồng xét xử dành quyền khởi kiện cho NLQ 1 tranh chấp tài sản chung với bà Đ trong một vụ kiện khác khi có yêu cầu.

NLQ 2 xác định là vợ NLQ 1 nhưng vợ chồng đã sống ly thân từ hơn 10 năm nên không biết gì và không liên quan gì đến việc làm ăn của NLQ 1 và bà Đ nên không có yêu cầu gì. Hội đồng xét xử không xem xét.

NLQ 3 xác định là chồng bà Đ nhưng toàn bộ số tiền cho bà L vay là tiền riêng của bà Đ, ông không liên quan và không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Trong quá trình cho bà L vay tiền bà Đ không biết chồng bà L là ai nên không yêu cầu chồng bà L cùng trả nợ nên ghi nhận.

Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Hồ Bích L phải chịu là 212.500.000 đồng x 5% = 10.625.000 đồng

Bà Phan Thị Đ phải chịu: (500.000.000 đồng – 212.500.000 đồng) x 5% = 14.375.000 đồng

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271, 273, 278, 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

- Áp dụng Điều 305; Điều 471; Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Áp dụng Pháp lệnh về án phí, lệ phí 2009.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn:

Buộc bà Hồ Bích L trả cho bà Phan Thị Đ số tiền 212.500.000 đồng (Hai trăm mười hai triệu năm trăm ngàn đồng). Việc thi hành được thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật tại Cơ quan thi hành án dân sự Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh; Ghi nhận bà Đ không yêu cầu tình tiền lãi phát sinh đối với số tiền bà L phải trả.

Dành quyền khởi kiện cho NLQ 1 tranh chấp tài sản chung với bà Phan Thị Đ trong một vụ án khác khi có yêu cầu.

Ghi nhận việc bà Phan Thị Đ không yêu cầu buộc NLQ 1 trả lại số tiền 280.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi triệu đồng) đã nhận của bà Liên.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Hồ Bích L phải nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 9 số tiền là: 10.625.000 đồng (Mười triệu sáu trăm hai mươi lăm ngàn đồng);

Bà Phan Thị Đ phải nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 9 số tiền là: 14.375.000 đồng (Mười bốn triệu ba trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số AC/2014/0007259 ngày 16/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 9. Hoàn lại cho bà Đ số tiền còn lại là 3.625.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Trường hợp vắng mặt, thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Tòa án NDTP.HCM
- Viện KSNDQ.9
- Chi cục THADSQ.9
- Đương sự
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Thái Thị Cẩm Hiền

HỘI THẨM NHÂN DÂN **CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**